

THẨM ĐỊNH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

TS. Ngô Đức Tiên*

Công tác thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư là khâu quan trọng nhất giúp cho ngân hàng nhận diện, sàng lọc những dự án tốt, vừa tạo ra lợi nhuận cho ngân hàng, vừa tạo ra lợi ích cho nền kinh tế. Bài viết nghiên cứu về phương pháp và nội dung thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư tại NHTM, để từ đó giúp ngân hàng có cái nhìn toàn diện, đánh giá về nhu cầu tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và tình hình sử dụng nguồn vốn.

• Từ khóa: dự án đầu tư, thẩm định cho vay, hiệu quả tài chính, thẩm định hiệu quả tài chính.

The evaluation of the financial efficiency of investment projects is the most important step in assisting the bank in identifying and vetting profitable and economically beneficial projects. The article investigates the methods and content of evaluating the financial efficiency of investment projects at commercial banks, providing the bank with a comprehensive view and evaluation of total investment capital requirements, capital structure, investment capital structure, and capital usage situation.

• Keywords: investment project, loan appraisal, financial efficiency, financial performance appraisal.

Ngày nhận bài: 25/7/2022

Ngày gửi phản biện: 30/7/2022

Ngày nhận kết quả phản biện: 30/8/2022

Ngày chấp nhận đăng: 15/9/2022

Thẩm định cho vay dự án của NHTM là một trong chuỗi công việc trong hoạt động cho vay của NHTM, có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với người cho vay mà cả đối với người đi vay. Thẩm định dự án đầu tư tại các NHTM thực chất là việc các ngân hàng tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá tính hợp pháp, khả thi và hiệu quả của dự án để làm cơ sở cho ngân hàng ra quyết định cho vay, là phân tích, đánh giá để lựa chọn các dự án hợp pháp, hiệu quả, khả thi, làm cơ sở cho vay đúng mục đích, đảm bảo an toàn vốn và có lãi. Chính vì vậy, phương pháp và nội dung thẩm định cho vay dự án đầu tư của ngân hàng

thương mại được coi là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả cho vay dự án đầu tư của NHTM.

VỀ PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN

Quá trình thẩm định dự án đầu tư ở các ngân hàng thương mại thường sử dụng các phương pháp chủ yếu là phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp thẩm định theo trình tự và phương pháp dự báo. Các phương pháp này được áp dụng một cách linh hoạt tùy theo tính chất của dự án và lượng thông tin cán bộ thẩm định thu thập được. Ngân hàng thương mại cũng áp dụng các chỉ tiêu hiệu quả như: NPV, IRR..., để đánh giá tính hiệu quả của dự án, ở một số dự án còn sử dụng phương pháp phân tích độ nhạy trong phân tích rủi ro.

Các chỉ tiêu được sử dụng trong quá trình thẩm định cũng được áp dụng khá linh hoạt. Tuy nhiên, dù có linh hoạt đến đâu thì các cán bộ thẩm định vẫn luôn hướng sự phân tích đánh giá của mình đến việc đảm bảo đưa ra một cách khách quan và tổng thể toàn diện nhất. Hạn chế lớn nhất về phương pháp thẩm định cho vay dự án đầu tư của các NHTM là ngân hàng chưa áp dụng triệt để các phần mềm toán học hiện đại như phần mềm mô phỏng trong phân tích rủi ro, phần mềm dự báo theo chuỗi thời gian... Chính vì vậy, đối với từng phương pháp thẩm định, ngân hàng có một số hạn chế sau: Phương pháp so sánh đối chiếu: Ngân hàng chủ yếu so sánh các chỉ tiêu với các tiêu chuẩn định mức, chưa chú trọng so sánh, đối chiếu các chỉ tiêu với các dự án tương tự.

* Học viện Tài chính

Các phương pháp phân tích rủi ro, triệt tiêu rủi ro chưa được quan tâm đúng mức. Bởi lẽ một dự án đầu tư khi đi vào hoạt động có thể gặp nhiều loại rủi ro khác nhau. Việc đánh giá, phân tích, thẩm định rủi ro sẽ giúp ngân hàng đưa ra biện pháp phòng ngừa thích hợp, cũng như tư vấn thêm cho khách hàng.

Phân tích rủi ro thông qua phân tích mô phỏng Crystal Ball là một phương pháp tiên tiến, hiện đại nhưng do một số nguyên nhân chủ quan và khách quan nên phương pháp này hiện chưa được áp dụng, triển khai tại nhiều ngân hàng.

Phương pháp phân tích độ nhạy: Việc lựa chọn các biến tác động còn mang tính chủ quan của người thẩm định, chưa tính đến đặc thù riêng của từng loại dự án cũng như từng lĩnh vực ngành nghề.

Đối với phương pháp phân tích độ nhạy, mức độ sai lệch về doanh thu, chi phí trong các điều kiện khác nhau, với từng loại dự án khác nhau là khác nhau. Vì vậy, cán bộ tín dụng cần có sự phân tích, lựa chọn các mức sai lệch một cách linh hoạt chứ không nên áp dụng cứng nhắc các mức 5%, 10% hay 15%. Điều quan trọng là các cán bộ tín dụng cần phải hiểu tại sao lại cần lựa chọn các mức biến động như vậy.

Ngoài ra, ngân hàng cần phải sử dụng thêm các phương pháp hiện đại để tính các chỉ tiêu tài chính, tính sự thay đổi chiết khấu để thấy được tác động của môi trường.

VỀ NỘI DUNG THẨM ĐỊNH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN

Thẩm định hiệu quả tài chính của dự án là một trong những nội dung quan trọng để NHTM đưa ra quyết định cho vay, trong quá trình thẩm định cho vay dự án đầu tư, các NHTM thường sử dụng các chỉ tiêu cơ bản sau đây:

Thứ nhất, giá trị hiện tại ròng - (NPV)

NPV là chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các dòng tiền dự tính trong tương lai và giá trị đầu tư ban đầu. Công thức:

$$NPV = -CF_0 \sum_{t=1}^n \frac{CF_t}{(1+i)^t}$$

Trong đó:

t: Thời gian tính dòng tiền;

n: tổng thời gian thực hiện dự án;

i: lãi suất chiết khấu;

CF_0 : Giá trị đầu tư ban đầu;

CF_t : Dòng tiền ròng tại các năm t.

NPV là một chỉ tiêu rất quan trọng và thường xuyên được sử dụng trong thẩm định cho vay dự án đầu tư, nhằm mục đích xem xét giá trị hiện tại của các dòng tiền dự kiến thu được trong tương lai có đủ để bù đắp cho vốn đầu tư ban đầu hay không. Nếu NPV dương có nghĩa dự án tạo ra giá trị tăng thêm. NPV âm có nghĩa dự án không đủ bù đắp vốn đầu tư, không có hiệu quả về mặt tài chính. Để tính toán được NPV cần phải biết được dòng tiền và lãi suất chiết khấu của dự án. Vì vậy, thẩm định về chỉ tiêu NPV chính là thẩm định về dòng tiền và lãi suất chiết khấu của dự án.

Tiêu chí NPV có ưu điểm là tính toán tới giá trị thời gian của tiền. Tuy nhiên, tiêu chí này cũng có những hạn chế nhất định. Đó là không thấy được lợi ích thu được từ một đồng vốn đầu tư, bị phụ thuộc vào cách lựa chọn lãi suất chiết khấu và không thể áp dụng để so sánh các dự án có vòng đời hay vốn đầu tư khác nhau. Vì vậy, cán bộ thẩm định có thể kết hợp với sử dụng các tiêu chí khác như: IRR, PP, PI... để so sánh và ra quyết định.

Thứ hai, tỷ lệ hoàn vốn nội bộ (IRR)

IRR là lãi suất chiết khấu mà tại đó NPV bằng 0. IRR cho biết mức chi phí vốn tối đa của dự án là bao nhiêu để NPV không nhỏ hơn 0. IRR càng lớn so với lãi suất chiết khấu thì tính khả thi của dự án càng cao.

Có 2 phương pháp được sử dụng để tính toán IRR của dự án:

- Phương pháp nội suy tuyến tính: lựa chọn một lãi suất chiết khấu i bất kỳ, sử dụng lãi suất này để tính toán NPV của dự án. Nếu $NPV = 0$, đây chính là IRR của dự án. Nếu $NPV > 0$, tiếp tục nâng mức lãi suất chiết khấu i lên và ngược lại cho đến khi đạt tới sự cân bằng tức $NPV = 0$, khi đó, lãi suất chiết khấu i chính là IRR của dự án. Phương pháp này có mức độ chính xác cao nhưng tốn nhiều thời gian tính toán.

- Phương pháp tính trực tiếp: Lựa chọn 2 lãi suất chiết khấu $i_1 < i_2$ với i_1 và i_2 tính được NPV_1 và NPV_2 sao cho $NPV_1 > 0$ và $NPV_2 < 0$, sau đó áp dụng công thức:

$$IRR = i_1 + \frac{NPV_1(i_2 - i_1)}{|NPV_1| + |NPV_2|}$$

Phương pháp tỷ lệ hoàn vốn nội bộ đã khắc phục được nhược điểm yếu tố thời gian của phương pháp NPV. Khi sử dụng IRR, có thể so sánh các dự án có thời gian khác nhau. Tuy nhiên, phương pháp IRR cũng có những hạn chế nhất định như không phản ánh được quy mô về gia tăng vốn cho các chủ đầu tư.

Thứ ba, thời gian hoàn vốn (PP - Payback period)

Thời gian hoàn vốn là thời gian cần thiết để chủ đầu tư thu hồi được vốn đầu tư vào dự án hay là khoảng thời gian hoàn trả vốn đầu tư ban đầu từ dòng tiền dự án thu được vào mỗi năm:

$$\sum_{t=0}^T B_t - \sum_{t=0}^T C_t = 0$$

Trong đó:

B_t : Khoản thu của dự án ở năm t

C_t : Khoản chi của dự án ở năm t

T : Thời gian hoàn vốn

Để áp dụng phương pháp này, dự án phải có thời gian thu hồi vốn tối đa có thể chấp nhận được. Dự án có thời gian hoàn vốn ngắn hơn thời gian thu hồi vốn tối đa có thể chấp nhận được sẽ được thực hiện và ngược lại. Khi thẩm định cho vay dự án sử dụng phương pháp này, sau khi xem xét dòng tiền các năm của dự án, cán bộ thẩm định cũng cần xem xét căn cứ xác định thời gian thu hồi vốn tối đa có thể chấp nhận được của dự án.

Phương pháp này có ưu điểm là tính toán đến yếu tố thời gian nhưng cũng có bất lợi. Tiêu chuẩn PP hoàn toàn bỏ qua giá trị thời gian của tiền. Vì vậy trong nhiều trường hợp, kết quả của phương pháp này mâu thuẫn với kết quả theo phương pháp NPV và IRR.

Thứ tư, phương pháp thời gian hoàn vốn có chiết khấu (Discounted Payback - DPP)

Để khắc phục nhược điểm này, phương pháp thời gian hoàn vốn có chiết khấu (Discounted Payback - DPP) đã được đưa vào sử dụng:

$$\sum_{t=0}^T \frac{B_t}{(1+t)^t} - \sum_{t=0}^T \frac{C_t}{(1+t)^t} = 0$$

Trong đó:

T : thời gian hoàn vốn có chiết khấu

Với phương pháp DPP, các dòng tiền trong tương lai sẽ được chiết khấu về thời điểm hiện tại và so sánh.

PP và DPP đều là những chỉ tiêu có mức độ tin cậy cao vì khả năng dự báo dòng tiền ở những năm đầu tiên sẽ có độ chính xác cao hơn những năm sau. Tuy nhiên, cả PP và DPP đều có nhược điểm là bỏ qua những dòng tiền được tạo ra sau thời gian hoàn vốn và DPP cũng phụ thuộc nhiều vào việc lựa chọn lãi suất chiết khấu. Vì thế, PP hay DPP chỉ là những chỉ tiêu bổ sung trong quá trình thẩm định cho vay dự án.

Thứ năm, chỉ số doanh lợi (PI - Profit index)

Là chỉ số phản ánh khả năng sinh lợi của dự án được tính bằng công thức:

$$PI = \frac{PV}{P} = \frac{NPV + P}{P} = \frac{NPV}{P} + 1$$

Trong đó:

PV: Giá trị hiện tại của dòng tiền

P: Vốn đầu tư ban đầu

PI cho biết một đồng vốn đầu tư bỏ ra sẽ tạo ra bao nhiêu đồng thu nhập. Vì thế, PI càng cao thì dự án càng có tính khả thi, nhưng tối thiểu phải bằng 1.

PI đã khắc phục được nhược điểm của phương pháp NPV là so sánh những dự án có thời gian khác nhau hay vốn đầu tư khác nhau. Tuy nhiên, vì số tương đối nên PI không phản ánh được quy mô gia tăng giá trị cho chủ đầu tư như NPV. Nếu phải lựa chọn những dự án loại trừ nhau, có quy mô khác nhau thì sử dụng PI có thể đem lại kết quả không chính xác. Các dự án có quy mô nhỏ thường có PI cao hơn, nhưng nếu lựa chọn những dự án này sẽ bỏ qua những dự án có khả năng mang lại giá trị gia tăng lớn. Vì thế cán bộ thẩm định cho vay dự án thường sử dụng PI như một chỉ tiêu bổ sung trong quá trình thẩm định.

Thứ sáu, chỉ số lợi ích chi phí (B/C - Benefits cost)

Là chỉ số phản ánh khả năng sinh lời của chi phí bỏ ra của dự án, được tính toán bằng tỷ lệ giữa giá trị hiện tại của thu nhập và giá trị hiện tại của chi phí trong suốt dòng đời của dự án, được xác định theo công thức:

$$B/C = \frac{PV(B) \text{ (Hiện giá lợi ích)}}{PV(C) \text{ (Hiện giá chi phí)}}$$

hay:

$$B/C = \frac{\sum_{t=0}^n \frac{B_t}{(1+r)^t}}{\sum_{t=0}^n \frac{C_t}{(1+r)^t}}$$

Chỉ số B/C cho biết 1 đồng giá trị hiện tại chi phí bỏ ra thu được bao nhiêu đồng giá trị hiện tại doanh thu.

$B/C > 1$: Thu nhập của dự án đủ để bù đắp chi phí bỏ ra. Dự án có khả năng sinh lời cao hay có hiệu quả tài chính.

$B/C < 1$: Thu nhập của dự án không đủ để bù đắp chi phí bỏ ra. Dự án có hiệu quả tài chính thấp.

Trong nhiều trường hợp, những dự án có quy mô nhỏ, do đó NPV nhỏ nhưng vẫn có B/C cao hơn những dự án có quy mô lớn và NPV lớn. Nếu chỉ sử dụng B/C để lựa chọn dự án trong những trường hợp này có thể dẫn đến sai lầm là bỏ qua những dự án có sự gia tăng giá trị lớn. Vì vậy, khi so sánh những dự án có quy mô khác nhau, chỉ tiêu B/C thường được sử dụng như một chỉ tiêu bổ sung để tham khảo. Nếu có sự mâu thuẫn giữa chỉ tiêu NPV và B/C, cần lựa chọn kết quả của chỉ tiêu NPV.

Thứ bảy, tỷ số khả năng trả nợ (DSCR - Debt Service Coverage Ratio)

Tỷ số khả năng trả nợ là tỷ số đánh giá năng lực trả nợ của dự án được tính theo công thức:

$$DSCR = \frac{EBIT + \text{Khấu hao}}{\text{Nợ gốc} + \text{chi phí lãi vay}}$$

Trong đó:

EBIT (Earning Before interest and tax): Lợi nhuận trước thuế và lãi vay

DSCR cho biết dự án có bao nhiêu đồng vốn có thể sử dụng được để chuẩn bị cho mỗi đồng trả nợ gốc và lãi vay hay khả năng dự án có thể cân đối được các khoản nợ gốc và lãi đến hạn hay không.

Dự án được đánh giá có khả năng trả nợ khi $DSCR \geq 1$. Đây là một chỉ tiêu cần quan tâm và coi như là một trong các tiêu chuẩn để chấp nhận

tài trợ hay không tài trợ đối với dự án.

Nói chung, các phương pháp nói trên đều có những hạn chế nhất định về độ tin cậy. Dự án thường được thực hiện trong thời gian dài, các tính toán đều dựa trên những dự báo về tương lai. Với điều kiện thị trường có nhiều biến động, các dự báo chỉ mang tính tương đối. Vì vậy, tái thẩm định trong suốt thời kỳ cho vay phải được thực hiện thường xuyên, nhằm kịp thời đưa ra các đề xuất điều chỉnh phù hợp với biến động của thị trường.

Trong hầu hết các dự án được thẩm định, cán bộ thẩm định mới chỉ lựa chọn một số chỉ tiêu cơ bản để tính toán như: NPV, IRR, các chỉ tiêu khác như chỉ tiêu điểm hoà vốn, lợi ích- chi phí, năng lực hoà vốn, tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư, ... chưa được quan tâm nhiều.

Các chỉ tiêu NPV, PP được tính trên cơ sở áp dụng một mức lãi suất không đổi. Tuy nhiên về mặt lý thuyết, lãi suất là yếu tố thường xuyên biến đổi dưới tác động của nhiều nhân tố theo thời gian. Như vậy các chỉ tiêu trên sẽ ít nhiều không còn mang đầy đủ ý nghĩa, nhất là với những dự án trung - dài hạn, bởi lẽ việc tính toán các dự án này phụ thuộc khá nhiều vào việc lựa chọn tỷ suất chiết khấu.

Một số đề xuất

Một là, cải thiện của Nhà nước về xây dựng cơ chế chính sách quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Các cơ quan hữu quan nên xây dựng một hành lang pháp lý đồng nhất về ngân hàng, cũng như Luật Doanh nghiệp, các chính sách của các địa phương. Các chi nhánh ngân hàng ở các địa phương phải nắm rõ các cơ chế chính sách ở địa phương đó, cũng như các thông lệ ở địa phương đó.

Hoàn thiện hệ thống cung cấp thông tin về thẩm định dự án. Cụ thể như cơ chế nghiệp vụ thông tin tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả của thông tin tín dụng để cung cấp thông tin phòng ngừa rủi ro góp phần đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng. Bước đầu có thể xây dựng ngân hàng thông tin chung giữa các cán bộ thẩm định, liên kết với các ngân hàng khác để tìm hiểu các thông tin chung về khách hàng nếu khách hàng quan hệ với nhiều ngân hàng.

Trên cơ sở đó, đòi hỏi trong quá trình xây dựng phương án tài chính, dữ liệu và các thông số tính toán phải có cơ sở khoa học và thực tiễn.

Hai là, cần lựa chọn các chỉ tiêu phù hợp trong quá trình thẩm định tài chính dự án phù

Phương pháp thẩm định là một yếu tố có ảnh hưởng lớn đến chất lượng thẩm định cho vay dự án đầu tư. Mỗi dự án có một đặc trưng nhất định, không phải bất cứ dự án nào cũng cần phải tận dụng và tính toán tất cả các chỉ tiêu trong hệ thống thẩm định. Việc sử dụng phương pháp nào, chỉ tiêu nào tùy thuộc vào quyết định riêng của mỗi NHTM. Với mỗi dự án, phương pháp tốt nhất là phương pháp phù hợp nhất nhưng chưa chắc chắn rằng phương pháp ấy là hiện đại nhất. Thực tế hiện nay, những phương pháp thẩm định cho vay dự án đầu tư hiện đại đã giúp cho việc phân tích, đánh giá dự án được toàn diện, chính xác và hiệu quả hơn.

Hiện nay, hầu hết các NHTM thường sử dụng một hệ thống chỉ tiêu tài chính của dự án như: Thời hạn thu hồi vốn, cơ cấu vốn, doanh lợi tài sản, doanh lợi vốn tự có, khả năng thanh toán... để phân tích dự án đầu tư, nhưng các chỉ tiêu này căn cứ vào chuẩn mực nào để đánh giá, so sánh. Hiện nay chưa có một hệ thống mang tính chất chuẩn mực thống nhất nào để làm cơ sở thẩm định các dự án, do vậy, công tác thẩm định hiện nay hoàn toàn phụ thuộc vào kiến thức và cách đánh giá chủ quan của người thẩm định.

Ba là, chú ý đến cách tính lãi suất chiết khấu

Lãi suất chiết khấu là yếu tố quan trọng trong thẩm định tài chính dự án đầu tư. Việc thay đổi lãi suất có ảnh hưởng lớn đến giá trị hiện tại của các khoản thu nhập và chi phí. Nếu lãi suất này quá thấp sẽ khuyến khích đầu tư vào các dự án kém hiệu quả, nếu nó quá cao thì sẽ hạn chế đầu tư. Hiện nay, nhìn chung chưa có quy định thống nhất nào về tỷ lệ này đối với từng ngành nghề cụ thể, cũng như không có một cách chuẩn mực nào để xác định lãi suất chiết khấu, dẫn đến không có sự thống nhất về cách tính các tỷ lệ chiết khấu để tính toán dòng tiền dự án tại các NHTM mà chủ yếu dựa vào đánh giá chủ quan của cán bộ thẩm định. Do đó, việc đánh giá, so sánh kết quả thẩm định dự án giữa các NHTM, thậm chí trong cùng hệ thống NHTM thường gặp khó khăn.

Bốn là, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn, năng lực thẩm định, phẩm chất đạo đức cho cán bộ thẩm định

Trong quá trình thẩm định dự án nói chung và thẩm định cho vay dự án đầu tư nói riêng, cán bộ thẩm định luôn đóng vai trò quan trọng. Họ chính là những người trực tiếp tiến hành hoạt động thẩm định cho vay dự án đầu tư. Thẩm định cho

vay dự án đầu tư không phải là nghiệp vụ đơn giản, đòi hỏi cán bộ thẩm định không những phải có kiến thức sâu về nghiệp vụ, am hiểu các lĩnh vực cho vay, đầu tư của ngân hàng mà hiểu biết các vấn đề liên quan như thuế, môi trường, thị trường, khoa học công nghệ... Do vậy, phần nào hiệu quả của công tác thẩm định cho vay dự án đầu tư phụ thuộc vào chất lượng của nhân tố con người. Sự hiểu biết toàn bộ những kiến thức khoa học, kinh tế, xã hội mà người thẩm định có được thông qua đào tạo hay tự bồi dưỡng kiến thức mà có. Kinh nghiệm, kỹ năng là những gì tích lũy thông qua hoạt động thực tiễn, năng lực là khả năng nắm bắt, xử lý công việc trên cơ sở các tri thức kiến thức đã được tích lũy. Tính kỷ luật cao, phẩm chất đạo đức tốt là điều kiện để đảm bảo cho chất lượng thẩm định. Ngược lại, người thẩm định không có kỷ luật, đạo đức không tốt sẽ phá hỏng mọi việc, không đánh giá đúng tính khả thi của dự án.

Để đạt được chất lượng tốt trong thẩm định cho vay dự án đầu tư, yêu cầu quan trọng đầu tiên đối với các cán bộ thẩm định là phải nắm vững chuyên môn nghề nghiệp, đồng thời hiểu rõ văn bản pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước đối với các lĩnh vực: doanh nghiệp, xây dựng cơ bản, tài chính kế toán...

Như vậy, cán bộ thẩm định là một trong những nhân tố quyết định chất lượng thẩm định cho vay dự án đầu tư. Do vậy, muốn hoàn thiện tốt công tác thẩm định cho vay dự án đầu tư, trước hết bản thân trình độ kiến thức, năng lực đạo đức của các cán bộ thẩm định phải được nâng cao. Đồng thời, thông qua việc quá trình thẩm định, ngân hàng mới có cái nhìn toàn diện về dự án; đánh giá về nhu cầu tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và tình hình sử dụng nguồn vốn, hiệu quả tài chính mà dự án mang lại cũng như khả năng trả nợ của dự án.

Tài liệu tham khảo:

- Ngô Đức Tiến (2015), *Luận án Tiến sĩ, Giải pháp hoàn thiện công tác thẩm định cho vay dự án đầu tư tại NHTMCP NT Việt Nam, Học viện Tài chính.*
- Bùi Diệu Anh (2011), *Nghiệp vụ tín dụng ngân hàng, Nhà xuất bản Phương Đông.*
- Bùi Diệu Anh (2013), *Hoạt động kinh doanh ngân hàng, Nhà xuất bản Phương Đông.*
- PGS.TS. Lưu Thị Hương (2002), *Giáo trình "Thẩm định tài chính dự án".*
- Ngô Đức Tiến, *Chủ nhiệm đề tài cấp Học viện (2013), Vận dụng lý thuyết rủi ro thẩm định tài chính dự án đầu tư, Học viện Tài chính.*
- TS. Nguyễn Đức Thắng (2009) *Nâng cao chất lượng thẩm định dự án đầu tư của ngân hàng thương mại, NXB Chính trị Quốc gia.*
- Ngân hàng thắt chặt khâu thẩm định: <http://cafef.vn>*
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: <http://www.sbv.gov.vn>*